

Bản án số: 64/2022/DS-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Như Sương

2. Bà Nguyễn Ngọc Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPSGTT (gọi tắt là S); địa chỉ: số x-x đường xxxx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NTH, sinh năm 1983; địa chỉ: x/x đường x, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 14/2021/UQ-CNQ4 ngày 21/01/2021), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông VAT, sinh năm 1989; địa chỉ: Số x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2021 và các bản tự khai của đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/7/2013, Ngân hàng TMCPSGTT có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng) với ông VAT. Căn cứ vào thu nhập của ông VAT, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 406.066.780 đồng. Từ ngày được cấp thẻ đến thời điểm khởi kiện, ông T đã thanh toán cho S với tổng số tiền là 329.450.000 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc và lãi. Tính đến ngày 22/10/2020 ông T còn nợ S số tiền nợ gốc là 94.581.795 đồng.

S đã nhiều lần thông báo nhắc nợ nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của ngân hàng), nên đến ngày 22/10/2020 S chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do đó, S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông VAT phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay cho S với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/11/2021 là: 142.534.635đ (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 94.581.795 đồng, lãi quá hạn là 47.952.840 đồng, ông T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

* *Đối với bị đơn ông VAT:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019) và chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019).

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát Quận 11 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT về việc buộc ông VAT thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT tính đến ngày 16/11/2021 là: 142.534.635đ (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 94.581.795 đồng, lãi quá hạn là 47.952.840 đồng.

Ngoài ra ông T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 17/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về tố tụng:

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCPSGTT (S) và ông VAT là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Do bị đơn là ông VAT có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019) thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

** Về người tham gia tố tụng:*

Ngày 22/3/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông NTH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông VAT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2019), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ của vụ án:

Phía nguyên đơn đã nộp bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/11/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng; đồng thời nộp các chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/11/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; đồng thời xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:*

Ngày 26/11/2019, Ngân hàng TMCPSGTT có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng) với ông VAT.

Căn cứ vào thu nhập của ông VAT, ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 406.066.780 đồng. Từ ngày được cấp thẻ đến thời điểm khởi kiện ông T đã thanh toán cho S với tổng số tiền là 329.450.000 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc và lãi. Tính đến ngày 22/10/2020 ông T còn nợ S số tiền nợ gốc là 94.581.795 đồng.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc là 94.581.795 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi:*

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc là 94.581.795 đồng tính từ ngày 23/10/2020 đến ngày xét xử 16/11/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn là 3,9%/tháng. Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Ngày 26/11/2019 bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và đồng ý mức lãi suất theo Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S phát hành tại Việt Nam theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của S áp dụng mức lãi suất cho thẻ tín dụng nội địa là 2,6%/tháng, mức lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, mức lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy, S yêu cầu ông T trả số tiền lãi tính từ ngày 23/10/2020 đến ngày 16/11/2021 là 47.952.840 đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên toàn bộ số nợ gốc của kỳ sao kê 22/10/2020 chuyển sang nợ quá hạn là: $390 \text{ ngày} \times [94.581.795 \times (2,6\% \times 150\%)/30 \text{ ngày}] = 47.952.840 \text{ đồng}$ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông VAT phải trả cho Ngân hàng TMCPSGTT số tiền 142.534.635đ (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi

lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 94.581.795 đồng, lãi quá hạn là 47.952.840 đồng.

Ông VAT còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 17/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCPSGTT.

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng TMCPSGTT được chấp nhận nên bị đơn ông VAT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.126.732đ (Bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 2.552.053đ (Hai triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba) đồng cho Ngân hàng TMCPSGTT theo biên lai thu số AA/2019/0052837 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019);

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPSGTT về việc yêu cầu ông VAT trả nợ.

Buộc ông VAT phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCPSGTT tổng số tiền là 142.534.635đ (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 94.581.795đ (Chín mươi bốn triệu năm trăm tám mươi một nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng, lãi quá hạn là 47.952.840đ (Bốn mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi) đồng.. Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông VAT còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 17/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP SGTT.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông VAT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.126.732đ (Bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 2.552.053đ (Hai triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba) đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT theo biên lai thu số AA/2019/0052837 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vũ Vân

